BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2020/TT- BKHĐT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2020*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý các khu kinh tế;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế (sau đây gọi là

Ban Quản lý) quy định tại Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64 và một số điều tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế (sau đây gọi là Nghị định số 82/2018/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các Ban Quản lý, cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Vị trí và chức năng của Ban Quản lý

1. Vị trí và chức năng của Ban Quản lý được quy định tại Điều 61 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP.

2. Ban Quản lý có tài khoản riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành về thực hiện quản lý nhà nước trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN QUẢN LÝ

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao và nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, ủy quyền theo quy định tại Điều 63, Điều 64 và một số điều khác tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP.

2. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý đầu tư quy định tại điểm c khoản 1, điểm b, điểm e, điểm h, điểm k và điểm l khoản 2 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Đăng ký đầu tư; cấp, điều chỉnh, thu hồi văn bản chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; thỏa thuận ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền;

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại văn bản chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ góp vốn, triển khai dự án đầu tư và việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư; định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;

d) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chương trình, kế hoạch về xúc tiến đầu tư phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

đ) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng và quản lý hệ thống thông tin về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi văn bản chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Đầu tư và văn bản quy định chi tiết thi hành.

3. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý môi trường được giao quy định tại Điều 43, Điều 44, điểm đ khoản 3 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, gồm:

a) Phối hợp thực hiện thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, chấp thuận về môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

b) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan, lập báo cáo đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí theo quy định gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái;

c) Thực hiện thủ tục lấy ý kiến các cơ quan liên quan, xem xét, chứng nhận doanh nghiệp sinh thái.

4. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý xây dựng được phân cấp, ủy quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng thuộc thẩm quyền của Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các dự án, công trình trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

b) Cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy phép xây dựng công trình đối với công trình xây dựng trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế phải có Giấy phép xây dựng;

c) Thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các dự án trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

5. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý quy hoạch được giao, ủy quyền quy định tại điểm b khoản 3 Điều 63, điểm a khoản 1 Điều 64 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền đối với quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế;

b) Điều chỉnh quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt của khu công nghiệp, khu chế xuất, các khu chức năng trong khu kinh tế nhưng không làm thay đổi cơ cấu quy hoạch theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu chức năng trong khu kinh tế thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý lao động được ủy quyền quy định tại điểm c khoản 3 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Cấp, cấp lại Giấy phép lao động cho lao động nước ngoài làm việc trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; xác nhận người lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế không thuộc diện cấp giấy phép lao động;

b) Tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế về nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được;

c) Tổ chức thực hiện đăng ký nội quy lao động, tiếp nhận thỏa ước lao động tập thể; tiếp nhận đăng ký hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

d) Nhận báo cáo về việc cho thôi việc nhiều người lao động, cho thuê lại lao động, kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề hàng năm của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

đ) Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề có thời gian dưới 90 ngày;

e) Tiếp nhận khai trình việc sử dụng lao động, báo cáo tình hình thay đổi về lao động; nhận thông báo về việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

g) Nhận thông báo về địa điểm, địa bàn, thời gian bắt đầu hoạt động và người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

h) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với người lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

7. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý thương mại được giao, ủy quyền quy định tại điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức, thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế theo quy định pháp luật về thương mại;

b) Cấp các loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế theo ủy quyền của Bộ Công Thương.

8. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý đất đai được giao quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 63, điểm a khoản 2 và điểm g, h khoản 3 Điều 64 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết trong khu kinh tế (đối với Ban Quản lý khu kinh tế);

b) Thực hiện nhiệm vụ về tiếp nhận đăng ký khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất và phí hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế của nhà đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu chức năng trong khu kinh tế;

c) Quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ đất, mặt nước chuyên dùng đã được giao theo đúng mục đích sử dụng và phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, Quy hoạch xây dựng các khu chức năng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, giao lại đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất và thực hiện các thẩm quyền khác về quản lý đất đai trong khu kinh tế theo quy định của pháp luật về đất đai.

9. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý khoa học và công nghệ theo phân cấp, hướng dẫn quy định tại khoản 2 Điều 53 và điểm e khoản 1 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, gồm:

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định công nghệ, đánh giá công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; kiểm tra, kiểm soát công nghệ và chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư, hoạt động nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp;

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

10. Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác quy định tại khoản 10, khoản 14 Điều 60, khoản 1 Điều 61, điểm a, điểm b khoản 1 và điểm q khoản 2 Điều 63 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và quy định khác có liên quan, gồm:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý, Đề án thành lập, tổ chức lại Ban Quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Đề án chuyển đổi, phát triển khu công nghiệp sinh thái và các mô hình khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế mới;

c) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan khác để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo cơ chế một cửa hoặc một cửa liên thông;

d) Tham gia ý kiến với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch có liên quan đến hoạt động đầu tư, phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

đ) Cung cấp thông tin về quy hoạch phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, giá cho thuê đất và tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu chức năng trong khu kinh tế, cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, định hướng và ngành, nghề thu hút đầu tư, trình tự thủ tục đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và các nội dung khác theo quy định của pháp luật cho các nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và các bên liên quan;

e) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ CỦA BAN QUẢN LÝ

Điều 5. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 65 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP.

2. Lãnh đạo Ban Quản lý

a) Ban Quản lý có Trưởng Ban và không quá 03 (ba) Phó Trưởng Ban;

b) Trưởng Ban Quản lý là người đứng đầu Ban Quản lý, có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Ban Quản lý, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và pháp luật về hoạt động và hiệu quả hoạt động của khu công nghiệp, khu

chế xuất, khu kinh tế; phối hợp với người đứng đầu các Sở, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Quản lý;

c) Phó Trưởng Ban Quản lý là người giúp việc cho Trưởng Ban, chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi Trưởng Ban vắng mặt, một Phó Trưởng Ban được Trưởng Ban ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban Quản lý;

d) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ

a) Điều kiện, tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 65 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Căn cứ biên chế và chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý và việc hợp nhất, sáp nhập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ trong trường hợp không đáp ứng điều kiện, tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Văn phòng đại diện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế

a) Đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế nằm ngoài địa bàn nơi đặt trụ sở Ban Quản lý và cần thiết phải hỗ trợ về thủ tục hành chính tại chỗ, Ban Quản lý được thành lập văn phòng đại diện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

b) Văn phòng đại diện thực hiện các nhiệm vụ: hướng dẫn các thủ tục hành chính; cung cấp dịch vụ hành chính; trực tiếp giải quyết một số thủ tục hành chính do Trưởng Ban Quản lý giao.

5. Đơn vị sự nghiệp công lập

a) Ban Quản lý thành lập đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về tư vấn đầu tư, tư vấn kỹ thuật, tuyển dụng lao động, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ hợp tác và liên kết sản xuất, kết nối thực hiện các hoạt động

cộng sinh công nghiệp để hình thành khu công nghiệp sinh thái và các dịch vụ hỗ trợ khác cho nhà đầu tư và các bên có liên quan trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

b) Việc thành lập và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật về sự nghiệp công lập.

6. Căn cứ vào tính chất, đặc điểm và yêu cầu quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế trên địa bàn, Trưởng Ban Quản lý chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý, quyết định thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban Quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Biên chế

Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Ban Quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2021.

2. Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp các tổ chức, đơn vị trực thuộc Ban Quản lý thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất mà có số lượng cấp phó nhiều hơn quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Quản lý có trách nhiệm

sắp xếp, bố trí để giảm số lượng cấp phó, đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP trong thời hạn 02 năm kể từ ngày thực hiện sáp nhập, hợp nhất.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Hằng năm, rà soát, đánh giá khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong việc thực hiện Quy chế phối hợp làm việc giữa Ban Quản lý với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan khác, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi Quy chế phối hợp; đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, các bộ, ngành có liên quan để làm cơ sở rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý;

b) Kịp thời cập nhật các quy định liên quan đến các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý theo các văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư, đất đai, thương mại, xây dựng, lao động, môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung các văn bản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành về chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý.

2. Trong quá trình triển khai, nếu có vấn đề phát sinh, khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng